TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 22 - 04 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Tiến;

Ông Lương Trung Thuyền.

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Triệu Tuấn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/HSST ngày 07/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn H, sinh ngày 25 tháng 05 năm 1974 tại huyện S, tỉnh Tuyên Q; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Q; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H, sinh năm 1950 và bà Lưu Thị N, sinh năm 1950; vợ là Trần Thị C, sinh năm 1971 và có 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn 13/11/2019 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Văn T, sinh ngày 02 tháng 05 năm 1981 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Đoàn Thị O, sinh năm 1946; vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 và có 02 con, đều sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân chưa bị kết

án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn 07/11/2019 cho đến nay, có mặt.

3. Hà Văn L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1991 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1964; vợ là Nông Thị T, sinh năm 1989 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn 07/11/2019 cho đến nay, có mặt.

4. Đàm Văn T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1996 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn C, sinh năm 1964 và bà Nông Thị N, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn 07/11/2019 cho đến nay, có mặt.

5. Hứa Văn H, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1987 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hứa Văn V, sinh năm 1956 và bà Trần Thị P, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn 15/11/2019 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H:

Luật sư Nguyễn Đình Quyết, Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Hòa Lợi - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Luật sư Vũ Văn Lợi, Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Hòa Lợi – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Trần Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1985. địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Anh Hà Văn Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Anh Đàm Văn Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ; thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

5. Anh Nông Tuyên H, sinh năm 1978. Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/10/2018, tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại Km 50+831,01 Quốc lộ 4A thuộc Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện T, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra xe ô tô Biển kiểm soát: 22C-020.82 do Đỗ Văn H, điều khiển lưu thông hướng thị trấn Thất Khê, huyện T đi tỉnh Cao Bằng. Qua kiểm tra phát hiện trong thùng sau xe ô tô có 05 (Năm) bao tải đựng 05 (Năm) thùng các tông chứa 90 (Chín mươi) hộp pháo do Trung Quốc sản xuất. Tổ tuần tra đã đưa Đỗ Văn H cùng tang vật về Công an huyện T lập biên bản làm rõ; kiểm tra pháo có khối lượng 127,2kg.

Tại bản Kết luận giám định số 21/KL-PC09 ngày 09/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: ...*Các mẫu vật gửi giám định thu giữ ngày 08/10/2018 của* ***Đỗ Văn H*** *tại Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đều có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây tiếng nổ*...

Căn cứ kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo và tạm giam đối với Đỗ Văn H và các đối tượng liên quan: Trần Văn T; Hà Văn L; Đàm Văn T; Hứa Văn H, về tội Vận chuyển hàng cấm quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T, Hứa Văn H khai nhận: Khoảng giữa tháng 9/2018, Đỗ Văn H đến thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Q chơi, gặp một người đàn ông tên Q ở thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, qua nói chuyện, biết Q đang tìm đầu mối tiêu thụ đồ điện tử, điện lạnh; do gia đình kinh doanh mặt hàng này nên Đỗ Văn H cũng nhận lời hợp tác làm ăn; biết Đỗ Văn H đang trồng rừng tại khu vực biên giới xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nên cuối tháng 9/2018, Q gọi điện thoại nhờ Đỗ Văn H tìm mua pháo hộ, Đỗ Văn H đồng ý nhận lời.

Chiều ngày 05/10/2018, tại lán trồng rừng của Đỗ Văn H tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Đỗ Văn H nói với Trần Văn T là người trông rừng thuê cho Đỗ Văn H là *"Xem có chỗ nào mua hộ anh ít pháo"*. T đồng ý và đã gọi điện thoại giao dịch mua bán pháo với một người đàn ông Trung Quốc quen biết từ trước, sau đó Trần Văn T báo lại cho Đỗ Văn H biết bên Trung Quốc có chỗ mua pháo. Đỗ Văn H tiếp tục gọi điện thoại thông báo cho Q thì Q nhờ Đỗ Văn H mua hộ 100 (Một trăm) hộp pháo hoa loại 36 (Ba mươi sáu) ống để đốt và biếu trong dịp tết Nguyên đán, Đỗ Văn H đồng ý, sau đó trao đổi với Trần Văn T mua, chuyển pháo về xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho Đỗ Văn H.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Trần Văn T gọi điện thoại cho Hà Văn L bảo Hà Văn L buổi tối sang Pác Chằng, Trung Quốc chở khoảng 100 (Một trăm) hộp pháo về khu vực Trạm hạ thế thôn B, xã Đ cho Trần Văn T với tiền công là

2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), Hà Văn L đồng ý, rủ thêm Đàm Văn T lấy bè sang Pác Chẳng, Trung Quốc chở pháo cùng Hà Văn L; sau đó Trần Văn T gọi cho người đàn ông Trung Quốc đặt mua 100 (Một trăm) hộp pháo hoa loại 36 (Ba mươi sáu) ống thì người đó bảo còn 05 (Năm) thùng có 96 (Chín mươi sáu) hộp pháo, giá mỗi hộp là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Trần Văn T đồng ý mua hết 96 (Chín mươi sáu) hộp gồm 90 (Chín mươi) hộp mua hộ Hải còn 06 (Sáu) hộp Trần Văn T tự mua rồi hẹn đến tối sang lấy pháo.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày tại lán của Đỗ Văn H, Trần Văn T nói cho Đỗ Văn H biết số lượng, giá cả số pháo Trần Văn T đặt mua và tiền công vận chuyển pháo hết 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Đỗ Văn H gọi điện thoại, thông báo số lượng, giá cả và tiền công vận chuyển pháo cho Q biết, Q đồng ý bảo Đỗ Văn H trả tiền trước hộ, Đỗ Văn H đưa cho Trần Văn T số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng), bảo Trần Văn T đi lấy pháo.

Khoảng hơn 18 giờ ngày 05/10/2018, Trần Văn T gọi điện thoại cho Hà Văn L đi chở pháo rồi Trần Văn T đi xe máy đến bờ sông Kỳ Cùng thuộc thôn N, xã Đ đối diện thôn Pác Chẳng, Trung Quốc. Nhận được điện thoại của Trần Văn T, Hà Văn L gọi điện thoại bảo Đàm Văn T đi xuống bờ sông Cốc Thổng thuộc thôn C, xã Đ để chở pháo, đồng thời Hà Văn L đi xe máy Biển kiểm soát: 12T1-118.92 đến bờ sông, đến nơi Linh để xe máy tại bụi tre gần đó, còn Đàm Văn T đi bộ đến cùng Hà Văn L chèo bè đến bờ sông thuộc thôn N, xã Đ đón Trần Văn T, rồi tất cả lên bè cùng sang bờ sông đối diện thuộc thôn Pác Chẳng, Trung Quốc, lên bờ gặp người đàn ông Trung Quốc đứng cạnh xe mô tô ba bánh chở 06 (Sáu) bao pháo đang đứng đợi sẵn. Trần Văn T lên bờ trả tiền mua pháo cho người đàn ông Trung Quốc hết 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) rồi cùng Hà Văn L, Đàm Văn T bốc pháo lên bè đi về bờ sông phía Việt Nam thuộc thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để Trần Văn T vào bờ lấy xe máy về trước. Còn Hà Văn L cùng Đàm Văn T chèo bè chở pháo theo đường sông về Cốc Thổng thuộc thôn C, xã Đ. Do số lượng pháo nhiều không chở được hết nên Hà Văn L gọi điện thoại cho Hứa Văn H đến hộ chở thì Hứa Văn H đồng ý và đi xe máy Biển kiểm soát: 12K2-3624 đến bờ sông cùng Hà Văn L và Đàm Văn T bốc 06 (Sáu) bao pháo lên bờ, rồi Hà Văn L ra bụi tre gần đó lấy xe mô tô, còn Đàm Văn T đi bộ về nhà lấy xe mô tô Biển kiểm soát: 12K3-7260 đến chở pháo. Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H dùng xe mô tô chở mỗi người 02 (Hai) bao pháo đến bãi đất gần Trạm hạ thế thuộc thôn B, xã Đ thì Hà Văn L gọi điện thoại cho Trần Văn T biết rồi Trần Văn T cùng Đỗ Văn H đến lấy pháo. Trần Văn T điều khiển xe máy đi trước, Đỗ Văn H lái xe ô tô Biển kiểm soát: 22C-020.82 của mình đi theo sau. Đến nơi Đỗ Văn H quay xe rồi xuống mở thùng xe để Trần Văn T cùng Đàm Văn T và Hứa Văn H bốc 06 (Sáu) bao pháo lên xe. Bốc pháo xong Đỗ Văn H lái xe ô tô chở pháo về lán trồng rừng của Đỗ Văn H ở thôn K, xã Đ. Trần Văn T trả 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền công chở pháo cho Thường rồi đi xe máy về sau Hải. Nhận tiền công xong Hà Văn L cùng Đàm Văn T thỏa thuận chia cho Hứa Văn H 400.000 đồng

(Bốn trăm nghìn đồng) còn Hà Văn L và Đàm Văn T chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi đi về.

Đỗ Văn H lái xe chở pháo đến đằng sau lán thì Trần Văn T bảo Đỗ Văn H mở thùng xe để Trần Văn T lấy bao pháo chứa 06 (Sáu) hộp pháo Toàn tự mua đi cất giấu phía sau lán rồi Đỗ Văn H đi ngủ, còn Trần Văn T đi về nhà. Được hai ngày sau Trần Văn T bán 06 (Sáu) hộp pháo cho một người đàn ông lạ mặt không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Đến sáng ngày 06/10/2018 Đỗ Văn H gọi điện thoại báo cho Q biết đã mua được 90 (Chín mươi) hộp pháo thì Q bảo Đỗ Văn H chở số pháo trên đến thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tiền công 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Q sẽ cho người ra nhận thì Đỗ Văn H đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 08/10/2018, Đỗ Văn H một mình điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát: 22C-020.82 chở 05 (Năm) bao tải đựng 05 (Năm) thùng các tông chứa 90 (Chín mươi) hộp pháo đi từ lán trồng rừng ra Quốc lộ 4A rồi đi theo hướng Cao Bằng. Khi đến Km 50+831,01 thuộc Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì bị tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện T bắt quả tang.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tràng Định xét xử sơ thẩm ngày 21/5/2019, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 05 năm 06 tháng tù; Trần Văn T 05 năm 03 tháng tù; Hà Văn L và Đàm Văn T 05 năm tù; Hứa Văn H 04 năm tù về tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau đó bị cáo Hứa Văn H đã kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng. Tại bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhận định hành vi phạm tội của Trần Văn T, Đỗ Văn H là đồng phạm có dấu hiệu phạm tội Buôn bán hàng cấm nên đã tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại.

Trong quá trình điều tra lại, các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình với các nội dung, tình tiết nêu trên, riêng bị cáo Đỗ Văn H từ chối khai báo trong quá trình điều tra.

Cáo trạng số 16/CT-VKSTĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố:

Đỗ Văn H, Trần Văn T về tội Buôn bán hàng cấm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H về tội Vận chuyển hàng cấm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Đỗ Văn H, Trần Văn T về tội Buôn bán hàng cấm; Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H về tội Vận chuyển hàng cấm.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt

Đỗ Văn H, từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù. Trần Văn T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: Hà Văn L 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù; Đàm Văn T, 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù; Áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Hứa Văn H xủa phạt bị cáo từ 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe ô tô BKS 22C-02082 kèm theo giấy đăng ký xe; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu đen của Đỗ Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Neffos màu trắng của Hà Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Itel màu xanh của Đàm Văn T; số tiền 800.000 đồng của Trần Văn T; số tiền 1000.000 đồng của Hà Văn L; 1000.000 đồng của Đàm Văn T; 400.000 đồng của Hứa Văn H.

- Trả cho bị cáo Đỗ Văn H: 12.500.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 ví giả da; 01 thẻ ngân hàng Teck combank; 01 thẻ ngân hàng Agribank; 02 thẻ ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ Vin group; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 Giấy thông hành và 01 hộ chiếu (đều mang tên Đỗ Văn H); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphon 6 Plus màu trắng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình với các nội dung, tình tiết nêu trên. Riêng bị cáo Đỗ Văn H trong quá trình điều tra đã lại từ chối khai báo, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H có mặt tại phiên tòa cho rằng Đỗ Văn H đã phạm tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyê phạt bị cáo 8 (tám) năm tù; trả lại chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 22C-02082 kèm theo giấy đăng ký xe cho chị Trần Thị C. Các vấn đề khác luật sư không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị C: Chị là vợ của bị cáo Đỗ Văn H, đối với chiếc xe ô tô BKS 22C-02082 bị Công an thu giữ là tài sản chung của gia đình, được mua từ tiền tích góp trong nhiều năm, chị không biết chồng chị sử dụng chiếc xe ô tô vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị và gia đình.

Chị Nguyễn Thị X: Chị là vợ của bị cáo Trần Văn Toản, chiếc điện thoại đi động Vi Vo mà chồng chị dùng là chi cho mượn và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius Biển kiểm soát 12 T1-00584 là của gia đình. Chị đã nhận lại chiếc xe nên không có ý kiến gì.

Anh Hà Văn Q: Anh là em trai của Hà Văn L, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius Biển kiểm soát 12 T1 – 11892 là của anh, anh không biết Hà Văn L dùng chiếc xe nêu trên vào việc gì, anh đã nhận lại xe và không có ý kiến gì tại phiên tòa ngày hôm nay.

Anh Đàm Văn Đ: Anh là anh trai ruột của Đàm Văn T, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Gsim Biển kiểm soát 12 K3 – 7260 là của anh, anh không biết Thường dùng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội, anh đã nhận lại chiếc xe và không có ý kiến gì.

Anh Nông Tuyên H: Anh là hàng xóm với Hứa Văn H, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sufat Biển kiểm soát 12 K2 – 3624 là của anh cho Hiếu mượn, anh không biết Hứa Văn H dùng vào việc gì, anh đã nhận lại chiếc xe và không có ý kiến gì.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận:

Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng mình hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn H mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá cao. Trong vụ án này vai trò của bị cáo Đỗ Văn H và Trần Văn T là ngang nhau do vậy hình phạt của bị cáo Đỗ Văn H cũng phải ngang bằng với bị cáo Trần Văn T; đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 22C-02082 là tài sản chung của Đỗ Văn H và chị Trần Thị C được mua bằng nguồn tiền tích góp chung của cả gia đình, việc xác định chiếc xe nêu trên là tài sản chung là phù hợp với Luật hôn nhân gia đình do vậy không thể tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với ý kiến của Luật sư về việc tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Trong quá trình giải quyết chị Trần Thị C cho rằng Đỗ Văn H tự mua chiếc xe ô tô nêu trên bằng nguồn tiền riêng của bị cáo, do vậy không thể xác định là sản sản chung.

Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để yên tâm cải tạo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn H từ chối khai báo trong quá trình điều tra lại, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trang nêu. Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của các bị cáo tài phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử khẳng định: Chiều ngày 05/10/2018, tại lán trồng rừng của Đỗ Văn H tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Đỗ Văn H bàn bạc với Trần Văn T về việc mua pháo nổ để bán cho đàn ông tên Q ở thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc lấy 2000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) tiền lãi. Trần Văn T đã chủ động gọi điện thoại giao dịch với một người đàn ông Trung Quốc mua 90 (Chín mươi) hộp pháo với giá mỗi hộp 100.000 đồng, tổng trọng lượng là 127,2 Kg. Sau đó Đỗ Văn H đưa cho Trần Văn T số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) để trả tiền mua pháo và tiền công vận chuyển. Trần Văn T đã thuê Hà Văn L, Đàm Văn T, Hứa Văn H vận chuyển pháo từ Trung Quốc về xã Đ, huyện T với số tiền là 2.400.000 đồng. Trong đó Hà Văn L và Đàm Văn T mỗi người được 1.000.000 đồng và Hà Văn Hiểu được 400.000 đồng tiền công. Kết luận giám định số 21/KL-PC09 ngày 09/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: "*...Các mẫu vật gửi giám định thu giữ ngày 08/10/2018 của **Đỗ Văn H** tại Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đều có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây tiếng nổ...*". Như vậy có thể khẳng định Đỗ Văn H, Trần Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 190; Hà Văn L, Đàm Văn T, Hứa Văn H phạm tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi mà các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm vận chuyển, mua bán cũng như sử dụng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ được hành vi của mình nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tuy nhiên ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, còn phải đánh giá đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ án.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt các chính pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do vậy các bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Văn H có bố là Đỗ Văn H được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; bị cáo Trần Văn T có bố là Trần Văn T1 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba; bị

cáo Hứa Văn H sau khi vụ án được phát hiện đã đầu thú về hành vi của mình. Do đó, các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Đối với hành vi "buôn bán hàng cấm". Hội đồng xét xử nhận thấy vai trò Đỗ Văn H và Trần Văn T là ngang nhau trong cùng hành vi phạm tội. Đỗ Văn H là người cung cấp tiền còn Trần Văn T là người tìm mối, thuê người trực tiếp chỉ đạo vận chuyển pháo nổ từ Trung Quốc về Việt Nam để bán kiếm lời; Đối với hành vi "Vận chuyển hàng cấm" thì Hà Văn L là người trực tiếp nhận và thỏa thuận với Trần Văn T, ĐàmVăn Thường chuẩn bị công cụ vận chuyển và được hưởng lợi số tiền công ngang nhau do vậy Trần Văn T, Đàm Văn T có vai trò ngang nhau. Hứa Văn H tham gia giúp sức cho việc vận chuyển khâu cuối cùng và nhận được số tiền công ít hơn, do vậy Hứa Văn H có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo Đỗ Văn H không có tài sản do vậy không dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T, Hứa Văn H có hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này.

[9] Đối với hành vi mua bán của Trần Văn T đối với 06 hộp pháo, qua điều tra chưa đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh được hành vi này nên không có căn cứ để điều tra xử lý; đối với người bán là người Trung Quốc vượt ra khỏi lãnh thổ nên không có căn cứ làm rõ; đối với đối tượng tên Q qua xác minh không đủ căn cứ, tài liệu để điều tra, làm rõ và xử lý trong vụ án này. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thừa nhận đã đã được bán số pháp trên thu được số tiền 800.000 đồng, lời khai này phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[10] Về vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với chiếc xe ô tô BKS: 22C-02082 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Đỗ Văn H, bị cáo đã dùng chiếc xe vào việc phạm tôi cần phải tịch thu ½ giá trị tài sản, phần còn lại ½ giá trị chiếc xe trả lại cho chị Trần Thị C, nhận định này là phù hợp với Luật hôn nhân gia định và các quy định khác của pháp luật; 01 điện thoại di động Iphone 5 của Đỗ Văn H, điện thoại di động neffos của bị cáo Hà Văn L và điện thoại di động intel của Đàm Văn T đây là các tang vật phạm tội nên cần tịch thu để sung quỹ nước. Đối với số tiền 12.500.000 đồng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 ví giả da; 01 thẻ ngân hàng Teck combank; 01 thẻ ngân hàng Agribank; 02 thẻ ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ Vin group; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 Giấy thông hành và 01 hộ chiếu (đều mang tên Đỗ Văn H); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng không liên quan đến việc phạm tội do vậy cần trả cho Đỗ Văn H.

[11] Đối với số tiền 800.000 đồng Trần Văn T bán pháo có được; tiền công vận chuyển Trần Văn Toản trả cho Hà Văn L 1.000.000 đồng, Đàm Văn T

1.000.000 đồng và Hứa Văn H 400.000 đồng đây là số tiền liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước, trong quá trình giải quyết vụ án Hứa Văn H đã nộp lại 400.000 đồng, Đàm Văn T nộp 400.000 đồng.

[12] Các vật chứng do cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, 55, 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Văn T.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 55, 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn H.

1.Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Văn T phạm tội: "Buôn bán hàng cấm".

1.2. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn L, Đàm Văn T và Hứa Văn H phạm tội: "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt

2.1 Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

2.2 Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) năm tù, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 09/10/2018 đến 30/01/2019 là 03 (ba) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, thời hạn còn lại bị cáo phải chấp hành là 07 (bẩy) năm 08 (tám) tháng 09 (chín) ngày, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 7 năm 2019.

3.3 Xử phạt bị cáo Hà Văn L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

3.4 Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

3.5 Xử phạt bị cáo Hứa Văn H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3, 4 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: Tịch thu ½ giá trị ô tô Biển kiểm soát 22C-02082; 01 Giấy đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát 22C-02082; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu đen của Đỗ Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Neffos màu trắng của Hà Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Itel màu xanh của Đàm Văn T; tịch thu 400.000 đồng của Hứa Văn H; Tịch thu 400.000 đồng của Đàm Văn T

3.2. Trả cho chủ sở hữu:

3.2.1 Trả cho chị Trần Thị C ½ giá trị ô tô Biển kiểm soát 22C-02082.

3.2.2 Trả cho cho bị cáo Đỗ Văn H: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng); 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 ví giả da; 01 thẻ ngân hàng Teck combank; 01 thẻ ngân hàng Agribank; 02 thẻ ngân hàng Viettinbank; 01 thẻ Vin group; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 Giấy thông hành và 01 hộ chiếu (đều mang tên Đỗ Văn H); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphon 6 Plus màu trắng.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định và Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn ngày 11 tháng 3 năm 2019*).

4. Biện pháp tư pháp

4.1.Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với Trần Văn T 800.000 đồng.

4.2. Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với Hà Văn L 1.000.000 đồng.

4.3. Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với Đàm Văn T 600.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Văn T, Hà Văn L, Đàm Văn T, Hứa Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Công an huyện) và theo địa chỉ;
- Luật sư;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu HS vụ án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bình